

第十七课的练习

1. Đọc thuộc các cụm từ sau:

把衣服脱了 把毛衣脱了 把嘴张开 不要把衣服脱了
出了一身汗 有点儿不舒服 有一点儿发烧 他叫我去取药

2. Dùng các từ ngữ cho trước đặt câu có bỏ ngữ thời lượng:

Mẫu: 进行 两个多小时 → 比赛进行了两个多小时。

(a) 谈 二十分钟 →

(b) 学 三年 →

(c) 休息 一个星期 →

(d) 等 一天 →

3. Dùng các từ ngữ cho trước đặt câu có bỏ ngữ thời lượng và tân ngữ:

Mẫu: 学汉语 一年 => 我学汉语学了一年。

我学了一年[的]汉语。

a) 听音乐 两个小时 =>

b) 写生词 一个上午

c) 睡午觉 半个小时

d) 看电视 一个晚上 -

4. Dùng “一点儿” hoặc “t” điền vào chỗ trống:

a) 晚上吃完饭后，我一直_____头疼，不舒服。

b) 这件毛衣我穿着_____知，请换一件长_____的吧。

c) 她好像_____生气了，你别再开玩笑。

d) 我学汉语的时间不长，只会说_____汉语。